

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/3/2021

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Viết Khai

Bà Đỗ Thị Kim Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hà Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 309/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/11/2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Bùi Thị Thùy D** – sinh năm 1994 (Có mặt)

ĐKNKTT: tập thể Z, tổ 2, phường P, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Nơi cư trú: tổ 2, phường P, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Văn Hào** - sinh năm 1992 (vắng mặt)

ĐKNKTT và nơi cư trú: thôn M, xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/11/2020 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị Thùy D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H được tự do, tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng với nhau có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào tháng 4 năm 2014. Sau khi cưới vợ chồng chị sống tại nhà anh H ở thôn M, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Đến ngày 19/5/2015 chị và anh H đi đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một

năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H thường xuyên chơi bời, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 5 năm 2016 chị đã đưa con về bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh H.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Cẩm T sinh ngày 26/11/2014. Cháu T được sinh trước khi anh chị đăng ký kết hôn nhưng là con chung của anh chị do chị đã chung sống với anh H từ tháng 4 năm 2014 và có thai cháu T trong thời gian trên. Ly hôn, chị yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, công nợ chung và chị D không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập, thông báo cho anh Nguyễn Văn H đến Tòa án để làm việc nhưng anh H vắng mặt nhiều lần không có lý do, không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của anh H.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu ở trên. Chị trình bày: hiện nay anh H vẫn sinh sống tại nhà ở thôn M, xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Anh H biết việc chị xin ly hôn và Tòa án đang giải quyết nhưng không đến Tòa án.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về pháp luật, vắng mặt nhiều lần không có lý do. Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bùi Cẩm T sinh ngày 26/11/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Anh H có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn

diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn cư trú tại thôn M, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thùy D và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/5/2015 tại UBND xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn M, xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, chung sống không hạnh phúc. Chị D đã bỏ về bố mẹ đẻ sống hơn bốn năm nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh H đến Tòa án để làm việc nhưng anh H nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh Hào và không hòa giải được vụ án. Qua xác minh trong hồ sơ vụ án thể hiện: nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H chơi bời, vi phạm pháp luật phải chấp hành hình phạt tù giam nên chị D đã đưa con về bố mẹ đẻ sống từ nhiều năm nay, vợ chồng sống ly thân, không hạnh phúc.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Chị D và anh H 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Cẩm T sinh ngày 26/11/2014. Cháu T được sinh ra trước thời gian anh chị đăng ký kết hôn nhưng theo lời khai của nguyên đơn và xác minh trong hồ sơ vụ án thể hiện cháu T là con chung của chị D và anh H. Xét yêu cầu xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị D là chính đáng, có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu Nguyễn Bùi Cẩm T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị D

không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị D không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[5] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với anh H là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: chị D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi hành án dân sự năm 2008.

- Khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bùi Cẩm T sinh ngày 26/11/2014 cho chị Bùi Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai số AA/2018/0012550 ngày 12/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu Hiền

